
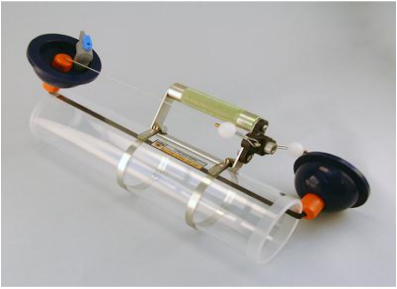

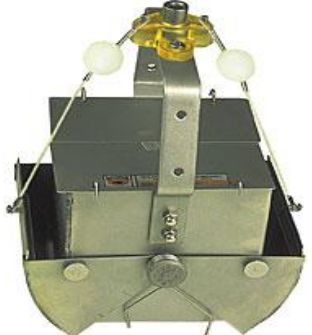



STT	Tên hàng hoá và đặc tính kỹ thuật	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	SL	Xuất xứ từ: (quốc gia hoặc vùng lãnh thổ)	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
A	Thiết bị quan trắc hiện trường môi trường nước					
I	Thiết bị lấy mẫu hiện trường					
1	<p>Thiết bị lấy mẫu nước theo tầng kiểu Van Dorn (loại ngang) Model: 1140-G45 Hãng sản xuất: Wildco – Mỹ</p>  <p><u>Thông số kỹ thuật:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai đầu nắp màu xanh bền, mềm dẻo, làm bằng nhựa tổng hợp polyurethane cao cấp với dây an toàn được gắn vào. - Đầu là thép không gỉ 316. - Không phù hợp cho lấy mẫu hoá chất. - Kits chai, va li nhựa, 45-B10 messenger & dây 62-C15 (100 ft). - Thể tích: 4,2 lít 	1140-G45	1	Wildco – Mỹ		

<p>2</p>	<p>Thiết bị lấy mẫu nước theo tầng kiểu Van Dorn (loại dục) Model: 1140-C42 Hãng sản xuất: Wildco – Mỹ</p>  <p><u>Thông số kỹ thuật:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mềm dẻo, làm bằng nhựa tổng hợp polyurethane cao cấp với dây an toàn được gắn vào. - Đầu là thép không rỉ 316. - Không phù hợp cho lấy mẫu hoá chất. - Thể tích: 4,2 lít 	<p>1140-C42</p>	<p>1</p>	<p>Wildco – Mỹ</p>		
<p>3</p>	<p>Thiết bị lấy mẫu nước thải tự động Model: Masterflex® E/S™ Composite Sampler Code: EW-07580-00 Hãng sản xuất: Cole-Parmer - Mỹ.</p> 	<p>Masterflex® E/S™</p>	<p>1</p>	<p>Cole-Parmer - Mỹ.</p>		

4	<p>Thiết bị lấy mẫu bùn trầm tích thông thường (kiểu gàu Ekman) Model: 21 V 0155 Hãng sản xuất: Wildco – Mỹ</p>  <p><u>Thông số kỹ thuật:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ gàu Ekman dùng cho lấy mẫu bùn và đất kiểu gàu cửa dạng cánh, nước thoát ra ngoài giữ lại mẫu bùn trầm tích - Thiết kế chắc chắn bằng thép không gỉ - Thẻ tích lấy mẫu tối đa: 5 lít - Kích thước của miệng xúc: 150 x 150 mm - Tổng chiều cao: 450 mm - Trọng lượng: 5,5 kg 	21 V 0155	1	Wildco – Mỹ		
---	---	-----------	---	-------------	--	--

5	<p>Thiết bị lấy mẫu bùn trầm tích tầng sâu (kiểu gầu Van Veen) Model: 1775-A10 Hãng sản xuất: Wildco – Mỹ</p>  <p><u>Thông số kỹ thuật:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng : lấy mẫu lớn ở tầng đáy có cát, xốp trong vùng biển hoặc ao hồ rộng. - Gọn nhẹ, thể tích lớn - Vành chắn cao su - Tự giải phóng đinh ghim kẹp cho mục đích an toàn - Diện tích lấy mẫu 0.1 m² - Tay đòn bẩy dài và gờ cắt sắc bén trên đáy gầu cho phép cắt sâu vào vào lớp trầm tích dễ dàng hơn. Nhờ các đinh ghim kẹp giữ cho gầu luôn ở tình trạng mở trước khi gầu chạm tầng đáy. Trong lúc va chạm, nhờ độ căng trên dây xích làm giải phóng đinh ghim kẹp. - Phần trên của mỗi gầu được bọc bằng màng chắn bằng thép không rỉ, có lỗ 500 μm cho mục đích thoát nước. Màng được bọc với một vành chắn cao su để tránh thoát mẫu trong quá trình thu hồi. 	1775-A10	1	Wildco – Mỹ		
---	--	----------	---	-------------	--	--


	<ul style="list-style-type: none"> - Để gàu Van Veen hoạt động cần trang bị thêm dây dài 1/8” và máy nâng (đặt hàng riêng) - Vật liệu : Thép không rỉ 316 - Mốc, chốt : Thép không rỉ 18-8 - Dây xích : Thép bọc kẽm - Độ mở đáy : 359 x 279 mm - Trọng lượng không mẫu : 18.5 kg - Trọng lượng có mẫu : 68-90 kg - Thể tích : 24 lít, diện tích lấy mẫu 0.1 m2 - Kích thước lỗ màng chắn : 500 µm - Cung cấp kèm sọt 					
6	<p>Bộ lấy mẫu thủy sinh (động vật nổi, thực vật nổi, động vật đáy)</p> <p>Một bộ bao gồm:</p> <p>1) Lấy mẫu động vật nổi</p> <p>2) Lấy mẫu thực vật nổi</p> <p>3) Lấy mẫu động vật đáy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vợt cầm tay, 30cm x 50cm, lưới 0,5 mm - Cào đáy tam giác đều 30cm, lưới 0,5mm <p>Gàu Peterson</p> <p>Model: 1750-G30</p> <p>Hãng sản xuất: Wildco – Mỹ</p>	1750-G30	1	Wildco – Mỹ		





Thông số kỹ thuật:


- Ứng dụng lấy mẫu trong vùng nước ngọt đáy cứng
- Thao tác trong vùng đáy cứng
- Cấu tạo bằng thép mạ kẽm giúp tránh ăn mòn
- Thể tích lớn, diện tích lấy mẫu lớn
- Lưỡi gàu sắc nhọn
- Chốt ghim an toàn
- Trục đứng cấu trúc chặt
- Nếu dùng trong vùng nước mặn, nên phủ một lớp sơn để bảo vệ.
- Gàu Petersen được sử dụng lý tưởng khi lấy mẫu trong vùng cát, sỏi, macrơ, đất sét.
- Những lỗ thông hơi cho phép nước tràn qua trong khi gàu được hạ xuống, giảm thiểu những chuyển động chéo cũng như giảm những dao động sóng phía trước.
- Vật liệu : Thép bọc kẽm
- Trọng lượng : 34 kg (75 lbs.)
- Thể tích : 9890 mL
- Diện tích lấy mẫu : 305 x 305 mm (12 x 12")
- Bao gồm : sọt , 4 quả nặng bằng thép


	- Phụ kiện kèm theo Khung rửa (Code: 188-E50) Cần trục (Code: 81-A10) Dây, 100mm, bằng thép không rỉ (Code: 61-B52)					
7	Pipét tự động (lấy dung dịch bảo quản) Hãng sản xuất: Isolab – Đức					
7.1	Loại thay đổi thể tích					
	- Thay đổi thể tích: 0.2 - 2.0µl		1	Isolab – Đức		
	- Thay đổi thể tích: 0.5 - 10µl		1	Isolab – Đức		
	- Thay đổi thể tích: 5-50 µl		1	Isolab – Đức		
	- Thay đổi thể tích: 10-100 µl		1	Isolab – Đức		
	- Thay đổi thể tích: 20-200 µl		1	Isolab – Đức		
	- Thay đổi thể tích: 100-1000 µl		1	Isolab – Đức		
7.2	Loại cố định thể tích					
	- Cố định thể tích 5µl		1	Isolab – Đức		
	- Cố định thể tích 10µl		1	Isolab – Đức		
	- Cố định thể tích 20µl		1	Isolab – Đức		
	- Cố định thể tích 25µl		1	Isolab – Đức		
	- Cố định thể tích 50µl		1	Isolab – Đức		
	- Cố định thể tích 100µl		1	Isolab – Đức		
7.3	Loại 8 kênh thay đổi thể tích					
	Loại 8 kênh thay đổi thể tích 0.5 - 10µl		1	Isolab – Đức		
	Loại 8 kênh thay đổi thể tích 5-50 µl		1	Isolab – Đức		
	Loại 8 kênh thay đổi thể tích 40-300 µl		1	Isolab – Đức		


II.		Thiết bị đo nhanh, phân tích tại hiện trường				
8	<p>Thiết bị đo lưu tốc dòng chảy (kênh hở) Model: FP211 Hãng sản xuất: Globalw – Mỹ</p>  <p><u>Thông số kỹ thuật:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoảng đo: 0,3-15ft/s hay 0,1-4,5m/s - Độ chính xác: 0,1% thang đo - Trung bình: Giá trị số trung bình, đọc kết quả 1 lần/giây - Màn hình: LCD - Kiểu sensor: Tuabin kiểu chân vịt với pickup điện từ. - Trọng lượng: 2 pounds. - Tay cầm: từ 1,5 tới 4,5m - Vật liệu: PVC, nhôm anốt hóa, giá bằng thép không gỉ - Điện: pin trong kiểu đồng hồ/1 năm tuổi thọ - Nhiệt độ vận hành: 0° to 120° F (-17 tới 50°C) - Hộp vận chuyển 	FP211	1	Global Water – Mỹ		

<p>9</p>	<p>Máy đo pH và nhiệt độ cầm tay Model: sensION+ pH1 Hãng sản xuất: Hach/Mỹ Xuất xứ : Tây Ban Nha</p>  <p><u>Thông số kỹ thuật:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ: Giao diện người dùng dựa trên các biểu tượng - Hiển thị: Màn hình LCD (128x64 điểm), 46x62 mm - Nhiệt độ: <ul style="list-style-type: none"> ▪ pH: Tự động với đầu dò nhiệt độ Pt 1000, NTC 10kOhm ▪ EC: TC (hệ số nhiệt) tuyến tính, 0.00 tới 9.99 %/°C. Không tuyến tính với nước tự nhiên (UNE EN 27888), TR (nhiệt độ): 20°C (68°F), 25°C (77°F) hoặc giải giá trị từ 0 ~ 99°C - Hiệu chỉnh pH: DIN 19267: pH 2.00, 4.01, 7.00, 9.21, và 10.01, giá trị tại 25oC (77oF), bằng tay - Trở kháng nước: theo IP67 - Kích thước: 186 x 74 x 38 cm - Trọng lượng: 300g - Nguồn cấp: Pin AA <p><u>Cung cấp bao gồm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính : 01 - Bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 - Tài liệu hướng dẫn sử dụng 01 	<p>sensION+ pH1</p>	<p>1</p>	<p>Hach – Mỹ/ Tây Ban Nha</p>		
----------	--	-------------------------	----------	-----------------------------------	--	--

10	<p>Thiết bị đo độ dẫn điện (EC), tổng chất rắn hòa tan (TDS) hiện trường Model: Sension+EC5 Nhà sản xuất: Hach – Mỹ Xuất xứ : Tây Ban Nha</p>  <p><u>Thông số kỹ thuật:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thang đo: 0.2 $\mu\text{S/cm}$ to 200 mS/cm - Total Dissolved Solids (TDS): 0.1 mg/L to 128 g/L, - Độ mặn : 0 mg/L to 200 g/L, - Nhiệt độ : 0 to 80 °C - Tự động nhận dung dịch chuẩn 147 $\mu\text{S/cm}$, 1413 $\mu\text{S/cm}$, 12.88 mS/cm và 111.8 mS/cm - Hiển thị: màn hình tinh thể lỏng , 128 x 64 điểm - Nguồn điện: 4 Pin AA - Vỏ máy: bằng nhựa, ABS và PC. - Tiêu chuẩn bảo vệ : IP67 <p><u>Cung cấp bao gồm :</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính và điện cực pH 5060T - Dung dịch chuẩn - Tài liệu hướng dẫn sử dụng, - Vali đựng máy 	Sension+EC 5	1	Hach – Mỹ/ Tây Ban Nha		
----	---	-----------------	---	---------------------------	--	--


11	<p>Thiết bị đo độ đục (NTU) hiện trường Model : 2100P Portable Turbidimeter Hãng sản xuất : Hach – Mỹ Xuất xứ : Tây Ban Nha</p>  <p><u>Thông số kỹ thuật</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị đo: NTU/FTU - Chế độ đo: lựa chọn Manual/Auto - Phương pháp đo: tán xạ ánh sáng ở góc 90o - Nguồn sáng: đèn Tungsten - Thang đo: 0-1000 NTU(=FTU) (tự động), 0-9.99, 0-99.9 và 0-1000 NTU(=FTU) (điều chỉnh) - Độ chính xác: ±2% giá trị đọc + ánh sáng lạc từ khoảng 0-1000NTU - Thời gian đọc kết quả: 6 giây - Độ phân giải: 0.01NTU trên mức thấp nhất - Ánh sáng lạc: < 0.04 NTU - Chế độ tín hiệu trung bình: có thể lựa chọn ON/OFF - Nhiệt độ môi trường hoạt động: 0 – 50°C - Nhiệt độ bảo quản: –40 - 60 °C - Thể tích mẫu: 15ml, tối thiểu, loại 60 x 25mm - Nguồn điện: pin 4 AA hoặc battery eliminator 120/230 Vac - Kích thước: 22.2 x 9.5 x 7.9 cm (rộng x dài x cao) - Khối lượng: 0.5 kg <p><u>Cung cấp bao gồm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính : 01 - Bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 - Tài liệu hướng dẫn sử dụng 01 	2100P	1	Hach – Mỹ/ Tây Ban Nha		
----	--	-------	---	------------------------	--	--

12	<p>Thiết bị đo ôxy hòa tan (DO) hiện trường Model: Sension + DO6 Hãng sản xuất : Hach – Mỹ Xuất xứ : Tây Ban Nha</p>  <p><u>Tính năng kỹ thuật</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ: Giao diện người dùng dựa trên các biểu tượng - Hiển thị: Màn hình LCD (128x64 điểm), 46x62 mm - Nhiệt độ: <ul style="list-style-type: none"> ▪ pH: Tự động với đầu dò nhiệt độ Pt 1000, NTC 10kOhm ▪ EC: TC (hệ số nhiệt) tuyến tính, 0.00 tới 9.99 %/°C. Không tuyến tính với nước tự nhiên (UNE EN 27888), TR (nhiệt độ): 20°C (68°F), 25°C (77°F) hoặc giải giá trị từ 0 ~ 99°C - Điều chỉnh nhiệt độ: Độ lệch nhiệt độ hiệu chỉnh (A.T.C) tại 25oC (77oF), và 85oC (185oF) - Hiệu chỉnh pH: DIN 19267: pH 2.00, 4.01, 7.00, 9.21, và 10.01, giá trị tại 25oC (77oF), bằng tay - Hiệu chỉnh mV: Tự động nhận chuẩn oxy hóa-khử 220mV tại 25oC (77oF). Hiệu chuẩn tại bất kỳ giá trị mV nào. - Hiệu chuẩn độ dẫn: Tiêu chuẩn (147 µS/cm) 1413 µS/cm, 12.88 mS/cm, và 111.8 mS/cm [giá trị đạt tại 25oC (77oF)]. 	Sension + DO6	1	Hach – Mỹ/ Tây Ban Nha		
----	---	--------------------------	----------	-----------------------------------	--	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển đổi TDS: Giá trị trong khoảng 0 – 4.44, mặc định 0.64 - Trở kháng nước: theo IP67 - Kích thước: 186 x 74 x 38 cm - Trọng lượng: 300g - Nguồn cấp: Pin AA <p><u>Cung cấp bao gồm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính : 01 - Bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 - Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 					
13	<p>Bộ thiết bị đo chất lượng nước đa chỉ tiêu cầm tay Model: WQC-24A Hãng sản xuất: Toadkk/ Nhật Bản Xuất xứ: Nhật Bản</p>  <p><u>Thông số kỹ thuật máy chính:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao diện thân thiện - Đo tới 11 thông số đồng thời - Đo ở độ sâu 100m - Màn hình hiển thị: màn hình hiển thị kỹ thuật số LCD - Cấu trúc không thấm nước: IP67 (JIS C0920) - RS-232C, tính năng tiêu chuẩn (phù hợp sử dụng với máy in hoặc 	WQC-24A	1	Toadkk – Nhật Bản		

<p>GPS)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiển thị đầu ra: DC 0-1 V, 3 điểm không biệt lập, kênh 1&2: đầu ra 2 thông số lựa chọn, kênh 3: đầu ra phạm vi độ dẫn - Tín hiệu đầu ra: 1 điểm, DC 36V, 100mA hoặc ít hơn - Lưu dữ liệu: bộ nhớ trong có thể lưu 14 dữ liệu trong 35 ngày - Đầu ra quyết định thời gian đo: 1 điểm, DC 36V, 100mA hoặc ít hơn - Nguồn cấp cho máy: 2 pin khô cỡ AA hoặc Adapter AC (Lựa chọn thêm) - Nguồn cấp cho sensor: 3xAA size - Kích thước ngoài: Khoảng 187.5x37.5x75 cm - Trọng lượng bao gồm cả pin: 320g - Khoảng nhiệt độ hoạt động: 0-50⁰C - Nhiệt độ hoạt động: <ul style="list-style-type: none"> + Máy chính: 0-40⁰C + Đầu dò: 0-50⁰C <p><u>Thông số kỹ thuật đầu dò tiêu chuẩn:</u></p> <p>Model: WMS24-1-2/ Toadkk/ Nhật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc không thấm nước: chịu được áp suất 1.0 Mpa - Bộ nhớ: Tối đa 3360 dữ liệu (bằng các module sensor) - Năng lượng cung cấp: 3 pin cỡ AA (năng lượng duy trì được 35 ngày cho khoảng thời gian giữa mỗi phép đo là 15 phút, hoặc là 1 tiếng với phép đo chất diệp lục) - Kích thước bên ngoài: 52mm (dia)x110mm(W)x487 mm (L) - Trọng lượng: 2400g - Nhiệt độ hoạt động: 0-50⁰C <p><u>Các thông số đo:</u></p> <p>+ pH</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoảng đo: 0.00-14.00 - Độ lặp lại: ±0.05 pH - Phương pháp đo: Điện cực thủy tinh - Sự chuẩn độ: 2 điểm của 4, 7, 9 hoặc 3 điểm định cỡ <p>+ Oxy hoà tan DO</p>					
--	--	--	--	--	--

<ul style="list-style-type: none"> - Khoảng đo: 0.00-20.00 mg/ l, 0-200% - Độ lặp lại: ± 0.1 mg/l- $\pm 1\%$ - Phương pháp đo: điện cực màng Galvanic - Sự chuẩn độ: chuẩn độ tự động về 0 và sự chuẩn độ span + Độ dẫn (COND) - Khoảng đi: 0.00-10.00 S/m (hiển thị); 0.0-100.0 mS/m; 0.000-1.000 S/m; 0.00-10.00 S/m, khoảng đo tự động - Độ lặp lại: $\pm 1\%$FS - Phương pháp đo: 4 điện cực AC - Sự chuẩn độ: Có khả năng chuẩn độ + Độ muối (SALT) - Khoảng đo: 0.00-4.00%; 0.0-40.0 (độ mặn nước biển) - Độ lặp lại: $\pm 0.1\%$ - ± 1 - Phương pháp đo: Chuyển từ giá trị độ dẫn - Sự chuẩn độ: Có khả năng chuẩn độ + Tổng chất rắn hoà tan (TDS) - Khoảng đo: 0.0-100.0 g/l - Độ lặp lại: ± 2g/l - Phương pháp đo: chuyển từ giá trị độ dẫn - Sự chuẩn độ: Có khả năng chuẩn độ + Đo trọng lực nước biển (SG) - Khoảng đo: 0.0-50.0 dt - Độ lặp lại: ± 0.1 dt - Phương pháp đo: chuyển từ giá trị độ dẫn - Sự chuẩn độ: Có khả năng chuẩn độ + Nhiệt độ - Khoảng đo: -5.00 – 55.0^oC - Độ lặp lại: ± 0.25OC - Phương pháp đo: Màng điện trở bạch kim mỏng - Sự chuẩn độ: Có khả năng chuẩn độ + Độ đục (TURB) - Khoảng đo: 0.0-800.0 NTU/ 0.0-800.0 mg/l - Độ lặp lại: $\pm 3\%$FS - Phương pháp đo: Phương pháp quét ánh sáng 90^o 					
---	--	--	--	--	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Sự chuẩn độ: Chuẩn độ tự động về 0 và sự chuẩn độ span <p>Cung cấp bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 Máy chính kèm đầu dò chuẩn - 5 Pin kiềm khô, kích cỡ AA (LR6) - 1 Dung môi hoà tan pH 6.86, 500ml - 2 Dung môi hoà tan pH 4.01, 500ml - 1 Cốc đo - 1 Soft case (với dây đeo) - 1 Kết nối cho điện cực pH - 1 Dung môi điện phân hoà tan, chai 50ml - 1 Bộ màng cho cực DO - 1 Cáp kết nối, 2m - 1 Tài liệu hướng dẫn sử dụng 					
III.	<i>Thiết bị phụ trợ quan trắc hiện trường</i>					
1	<p>Máy định vị GPS cầm tay Model: GPS 12XL Hãng sản xuất: Garmin Xuất xứ: Đài Loan</p>  <p><u>Thông số kỹ thuật:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bền chắc, vỏ máy được thiết kế chống nước phù hợp cho việc sử dụng ngoài trời - Có thể vận hành bằng một tay - Bộ nhận 12 kênh có thể bắt nhanh tín hiệu vệ tinh và cố định hướng tín hiệu, ngay cả ở điều kiện khắc nghiệt - Không có bản đồ hay dữ liệu nạp sẵn 	GPS 12XL	1	Garmin - Đài Loan		

<ul style="list-style-type: none"> - Bộ giữ anten bên ngoài: Không - Track log: 1024 điểm - Điểm nhớ/biểu tượng: 500/có - Pin sử dụng: 24 giờ - Ngôn ngữ trong máy: 9 - Loran TDs: Có (Hệ thống vô tuyến đạo từ xa) - Số lộ trình: 20 lộ trình có thể đảo chiều + 30 điểm nhớ/mỗi lộ trình + các chế độ MOB và TrackBack - TrackBack: Tự động dò tìm tốc độ - Dữ liệu bản đồ : 107 bao gồm dữ liệu một người sử dụng - Toạ độ : Lat/Lon,UTM/UPS + đường lưới gồm đường lưới chuẩn nguyên thủy và của người sử dụng, TDs và MGRS - 12 kênh dò và sử dụng liên tục tối đa 12 vệ tinh để tính toán và cập nhật vị trí - Thời gian thu tín hiệu: 15 giây (ấm); 45 giây (lạnh), 5 phút với chức năng AutoLocate và 45 giây với chức năng Ezinit, tháo lắp dễ dàng. - Tốc độ cập nhật: 1/giây, liên tục - Độ chính xác:15 mét (49 feet) RMS*, 1-5mét (3-15 feet)RMS với Garmin GBR21 hoặc với bộ nhận GBR 23 DGPS (chọn thêm) và đến 0.1knot RMS ở tình trạng tốc độ ổn định - Chế độ đo động: 6g's - Giao diện: NMEA 0183 và phần mềm hiệu chuẩn RTCM 104 DGPS - Anten: Cắm bên trong. <p>Cấu tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ nhớ: Pin sạc lithium. - Nguồn điện: 4 pin AA. - Trọng lượng: 269g + pin. - Kích thước: 5.3 x 14.7 x 3.1 cm. - Màn hình: 5.6 x 3.8, độ tương phản cao, có thể điều chỉnh hướng của màn hình - Vỏ máy đạt tiêu chuẩn chống nước IPX-7. 					
---	--	--	--	--	--

	<p>Cung cấp bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính GPS 12XL - Pin và hộp mang (cho GPS 12 XL). - Dây đeo. - Tài liệu hướng dẫn sử dụng 				
2	<p>Máy phát điện 1.6 KVA Model : EN 2500FX Hãng sản xuất : Honda</p> <p><u>Thông số kỹ thuật</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - 4 thì, 1 Loại xi lanh, làm mát bằng quạt gió, nghiêng 25o - Dung tích xi lanh, Công suất lớn nhất 163 cc, 5.5 mã lực/ 3600 v/p, Kiểu đánh lửa Transitor từ tính (IC), Kiểu khởi động Bằng tay, Dung tích bình xăng 3.6 lít - Dung tích nhớt 0.6 lít, Báo nhớt tự động, Thời gian hoạt động liên tục 3.2 giờ - Độ ồn (Cách 7m) 70 dB, Tần số 50hz, Điện thế xoay chiều, Công suất cực đại 1pha-220 V, 2.2 KVA - Công suất định mức 2.0 KVA - Hệ số công suất (Cos φ) 1.0 - Kích thước phủ bì (D x R x C) 620 x 420 x 410 mm, Tổng trọng lượng khô 35 kg - Kiểu ổn áp Tự điều chỉnh điện áp, có Đồng hồ Volt và Công tắc ngắt điện AC 	EN 2500FX	1	Honda - Mua nhà cung cấp tại Việt Nam	